

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2021/DS-ST
Ngày 02-03-2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 02 tháng 03 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: C25 đường X, phường Y, Quận Z, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: ông Lê Khánh T, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: 27/2 đường số 10, phường M, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

+ Ông Lâm Văn T1, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

+ Bà Đặng Thị H1, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 1/2 đường O, Khu phố P, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ông Phạm Đình Q, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: E38, Lô E, tầng 4, Chung cư X1, Phường Y1, Quận Z, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là ông Lê Khánh T trình bày:

Ngày 19/01/2018, bà Nguyễn Thị H có cho vợ chồng ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 vay số tiền 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Việc vay mượn tiền này đã được các bên ký Hợp đồng vay tiền số 001128 ngày 19/01/2018 do Văn phòng Công chứng Gia Định chứng nhận.

Ngày 04/04/2018 vợ chồng ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 vay thêm của bà H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Việc vay mượn tiền này được các bên xác nhận vào mặt sau của hợp đồng vay tiền số 001128 ngày 19/01/2018 có ông Phạm Đình Q là người làm chứng.

Ngày 19/06/2018 vợ chồng ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 vay thêm của bà H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Việc vay mượn tiền vào ngày 19/06/2018 của vợ chồng ông T1, bà H1 có ông Phạm Đình Q là người làm chứng, bảo lãnh.

Song song với việc làm chứng cho việc vay tiền giữa bà H và vợ chồng ông T1, bà H1 vào ngày 04/04/2018 và 19/06/2018, thì cũng trong ngày 04/04/2018 ông Phạm Đình Q có vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Căn cứ theo Văn bản xác nhận trả tiền vay mượn lập ngày 19/06/2018 giữa các bên thì tổng số tiền vợ chồng ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 vay của bà H tính đến ngày 19/06/2018 là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), tổng số tiền mà ông Phạm Đình Q vay của bà H tính đến ngày 19/06/2018 là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Vợ chồng ông T1, bà H1 và ông Phạm Đình Q hẹn đến ngày 04/07/2018 sẽ trả cho bà H toàn bộ số tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở và mặc dù các bị đơn cũng nhiều lần hứa hẹn trả nợ cho nguyên đơn nhưng đến nay, các bị đơn vẫn chưa trả cho nguyên đơn số tiền nào. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc vợ chồng ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền đã vay của bà H là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng), tạm tính từ ngày 19/06/2018 đến ngày tòa án xét xử (ngày 02/3/2021) là: 1.300.000.000 đồng nhân 10%/năm nhân (2 năm 8 tháng 10 ngày) bằng 348.876.000 đồng. Tổng số tiền mà vợ chồng ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 phải thanh toán cho bà H, tạm tính đến ngày 02/3/2021 là 1.648.876.000 đồng (một tỉ sáu trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

2. Buộc ông Phạm Đình Q phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền đã vay của bà H là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi suất 10%/năm (0.83%.tháng), tạm tính từ ngày 19/06/2018 đến ngày tòa án xét xử (ngày 02/3/2021) là: 600.000.000 đồng nhân 10%/năm nhân 2 năm 8 tháng 10 ngày bằng 161.020.000 đồng. Tổng số tiền mà ông Phạm Đình Q phải thanh toán cho bà H tạm tính đến ngày 02/3/2021 là: 761.020.000 đồng (bảy trăm sáu mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Về thời hạn trả nợ: Do khoản nợ này đã quá hạn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lâm Văn T1 và bà Đặng Thị H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Bị đơn ông Phạm Đình Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng đã trình bày ý kiến tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 23/11/2020:

Ông Q xác nhận ông có ký tên vào Văn bản xác nhận trả tiền vay mượn lập ngày 19/6/2018 và xác nhận có vay của bà H số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) nhưng đến nay ông không có khả năng trả cho bà H. Ông xin bà H cho ông thời hạn để trả tiền và xin trả dần theo khả năng của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cũng như tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn vắng mặt không lý do tại các buổi Tòa án giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai nhận của bị đơn Phạm Đình Q xác định vào các ngày 19/01/2018, 04/4/2018, 19/6/2018 ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 đã vay bà Nguyễn Thị H số tiền vay tổng cộng là 1.300.000.000 đồng. Ngày 19/6/2018 ông Phạm Đình Q đã vay bà Nguyễn Thị H số tiền vay tổng cộng là 600.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 và ông Phạm Đình Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị H. Do đó bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà H, ông Q phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi.

- Về nợ gốc: nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền vay nợ gốc tổng cộng là 1.300.000.000 đồng; buộc bị đơn Phạm Đình Q trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền vay nợ gốc là 600.000.000 đồng. Phía bị đơn ông T1, bà H1 không trình bày ý kiến; riêng ông Q thừa nhận có ký nhận vay của bà H số tiền 600.000.000 đồng tại Văn bản xác nhận trả tiền vay mượn do nguyên đơn cung cấp. Xét thấy việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn Nguyễn Thị H và các bị đơn ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1, ông Phạm Đình Q là có xảy ra đúng như nội dung Văn bản xác nhận trả tiền vay mượn mà các bên đương sự đã ký kết ngày 19/6/2018. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn trả nợ gốc cho nguyên đơn là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn .

- Về tiền lãi: nguyên đơn cho rằng đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện cho các bị đơn trả nợ và các bị đơn cũng nhiều lần hứa hẹn nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo nội dung thỏa thuận trong Văn bản

xác nhận trả tiền vay mượn ngày 19/6/2018 về lãi suất (theo thỏa thuận). Do vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 phải trả tiền lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng), tạm tính từ ngày 19/06/2018 đến ngày tòa án xét xử (ngày 02/3/2021) là 1.300.000.000 đồng nhân 10%/năm nhân (2 năm 8 tháng 10 ngày) bằng 348.876.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); Buộc bị đơn Phạm Đình Q phải trả tiền lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng), tạm tính từ ngày 19/06/2018 đến ngày tòa án xét xử (ngày 02/3/2021) là 600.000.000 đồng nhân 10%/năm nhân 2 năm 8 tháng 10 ngày bằng 161.020.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lãi suất cho phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các bị đơn là ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 có nơi cư trú tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, riêng ông Phạm Đình Q có nơi cư trú tại Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Tòa án nhân dân Quận Z đã có Công văn số 1289/TAQ11 ngày 17/12/2019 xác định tại đơn khởi kiện nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiếp tục thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là có cơ sở.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai nhận của bị đơn Phạm Đình Q xác định vào các ngày 19/01/2018, 04/4/2018, 19/6/2018 ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 đã vay bà Nguyễn Thị H số tiền vay tổng cộng là 1.300.000.000 đồng. Ngày 19/6/2018 ông Phạm Đình Q đã vay bà Nguyễn Thị H số tiền vay tổng cộng là 600.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 và ông Phạm Đình Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị H. Do đó bà H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà H phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 02/03/2021 là 1.648.876.000 đồng (một tỉ sáu trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), buộc ông Q phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 02/03/2021 là 761.020.000 đồng (bảy trăm sáu mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

[4] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về nợ gốc: nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền vay nợ gốc tổng cộng là 1.300.000.000 đồng; buộc bị đơn Phạm Đình Q trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền vay nợ gốc là 600.000.000 đồng. Phía bị đơn ông T1, bà H1 không trình bày ý kiến; riêng ông Q thừa nhận có ký nhận vay của bà H số tiền 600.000.000 đồng tại Văn bản xác nhận trả tiền vay mượn do nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn Nguyễn Thị H và các bị đơn ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1, ông Phạm Đình Q là có xảy ra đúng như nội dung Văn bản xác nhận trả tiền vay mượn mà các bên đương sự đã ký kết ngày 19/6/2018. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn trả nợ gốc cho nguyên đơn là đúng. Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Về tiền lãi: nguyên đơn cho rằng mặc dù phía nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện cho các bị đơn trả nợ và các bị đơn cũng nhiều lần hứa hẹn nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo nội dung thỏa thuận trong Văn bản xác nhận trả tiền vay mượn ngày 19/6/2018 về lãi suất (theo thỏa thuận). Do vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 phải trả tiền lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng), tạm tính từ ngày 19/06/2018 đến ngày tòa án xét xử (ngày 02/3/2021) là 1.300.000.000 đồng nhân 10%/năm nhân (2 năm 8 tháng 10 ngày) bằng 348.876.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); Buộc bị đơn Phạm Đình Q phải trả tiền lãi cho nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng), tạm tính từ ngày 19/06/2018 đến ngày tòa án xét xử (ngày 02/3/2021) là 600.000.000 đồng nhân 10%/năm nhân 2 năm 8 tháng 10 ngày bằng 161.020.000 đồng (một trăm sáu mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lãi suất cho phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy tại Văn bản xác nhận trả tiền vay mượn mà các bên đương sự đã ký kết ngày 19/6/2018 có ghi nhận lãi suất theo thỏa thuận, do vậy đây là hợp đồng vay tài sản có tính lãi. Về lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn là 10%/năm, không vượt quá quy định của pháp luật tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về thời hạn trả nợ: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Về phía bị đơn là ông Q mặc dù không tham gia tố tụng nhưng ông Q vẫn thể hiện lời khai xin gia hạn thời gian trả nợ. Đề nghị này của ông Q không được phía nguyên đơn chấp nhận vì cho rằng ông Q đã nhiều lần hứa hẹn nhưng vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, phía bị đơn mặc dù có hứa hẹn nhưng kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, phía nguyên đơn cũng có hỗ trợ và tạo điều kiện cho ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nhưng ông Q vẫn không thực hiện

triệt để việc trả nợ. Do đó, đề nghị của ông Q không có cơ sở chấp nhận; đồng thời chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, Lệ phí Tòa án cần buộc các bị đơn ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1, ông Phạm Đình Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn lại số tiền án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với các bị đơn ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 và ông Phạm Đình Q về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tổng cộng là 1.648.876.000 đồng (một tỉ sáu trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 1.300.000.000 đồng (một tỉ ba trăm triệu đồng), nợ lãi tạm tính đến hết ngày 03/02/2021 là 348.876.000 (ba trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Buộc ông Phạm Đình Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tổng cộng là 761.020.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), nợ lãi tạm tính đến hết ngày 03/02/2021 là 161.020.000 (một trăm sáu mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lâm Văn T1, bà Đặng Thị H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 61.466.280 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Buộc ông Phạm Đình Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.440.800 đồng (ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.103.900 đồng (ba mươi sáu triệu một trăm lẻ ba nghìn chín trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0004706 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND HHM;
- Chi cục THA DS HHM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Thanh Thủy